

BẢN TIN TUẦN

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN CÁC LƯU VỰC SÔNG NĂM 2021

VÙNG TÂY NGUYÊN

(Tuần từ 14/05 đến 20/05/2021)

Trong tuần qua khu vực Tây Nguyên có mưa diện rộng, một số điểm mưa vừa. Tình hình nguồn nước trong hồ chứa thủy lợi trung bình đạt 31÷59% dung tích thiết kế. Hiện tại, các tỉnh đã thu hoạch lúa vụ Đông Xuân với tổng diện tích đạt khoảng **80.800/90.000 ha** và chuẩn bị kế hoạch gieo trồng vụ Mùa 2021. Trong vùng không còn tình trạng hạn hán, thiếu nước.

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1.1. Lượng mưa

a) Nhận xét tình hình mưa tuần qua

Tổng lượng mưa phổ biến trên địa bàn các tỉnh vùng Tây Nguyên từ 0÷91 mm/tuần. Tổng lượng mưa từ 1/1/2021 đến thời điểm hiện tại so với TBNN ở mức thấp hơn 18%. Nhiệt độ trung bình tuần qua tại các tỉnh phổ biến trong khoảng từ 26,1⁰C÷27,4⁰C, cao hơn so với TBNN từ 1,5⁰C – 2,1⁰C. Dự báo tuần tới nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức từ 26⁰C÷27⁰C, cao hơn với TBNN từ 0,5⁰C÷0,6⁰C.

b) Đánh giá tình hình mưa trong giai đoạn tiếp theo

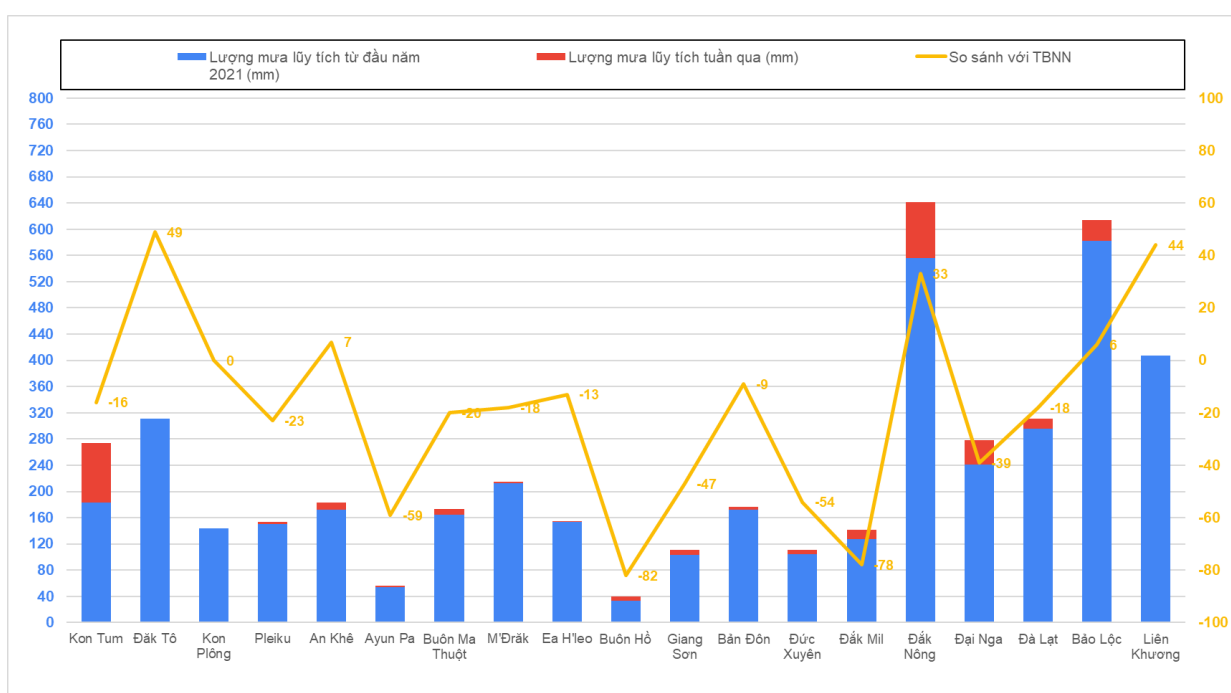
Theo dự báo mới nhất của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia (bản tin ngày 16/04/2021) khu vực Tây Nguyên: Hiện tượng ENSO: có xu hướng chuyển dần từ LaNina sang trạng thái trung tính từ nay đến tháng 6/2021 với xác suất khoảng 70-80%, sau đó tiếp tục duy trì trạng thái trung tính vào cuối mùa hè và mùa thu năm 2021.

Nhiệt độ và nắng nóng dự báo: nhiệt độ TB tháng 5/2021 phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 0,5-1,0⁰C, tháng 6/2021 nhiệt độ ở mức xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ, từ tháng 7-10/2021 nền nhiệt độ phổ biến cao hơn TBNN cùng kỳ từ 0,5-1,0⁰C.

Lượng mưa dự báo: Trong tháng 5/2021 TLM ở Nam Tây Nguyên cao hơn từ 10-20% so với TBNN, các khu vực khác TLM xấp xỉ so với TBNN. Trong tháng 6-8/2021, TLM phổ biến xấp xỉ so với TBNN. Trong tháng 10/2021 TLM phổ biến ở mức cao hơn từ 10-25% so với TBNN. Mùa mưa có khả năng đến sớm trên khu vực Tây Nguyên, từ khoảng nửa cuối tháng 4 sang nửa đầu tháng 5/2021.

Bảng 1.1. Tổng hợp lượng mưa tuần, dự báo mưa tại các trạm chính

TT	Trạm	Tỉnh TP	Tuần qua (mm)	Từ 1/1/2021 (mm) đến nay	So sánh với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo kỳ tới (mm)
					TBNN	2020	2019	2016	2015	
1	Kon Tum	Kon Tum	91	183	-16	+116	-54	+146	-41	16
2	Đăk Tô		0	311	+49	+81	+2	+283	+200	22
3	Kon Plông		0	144	0	-26	+6	+239	+172	29
4	Pleiku	Gia Lai	3	150	-23	+165	-4	+29	+98	26
5	An Khê		11	172	+7	+474	-3	+118	-13	24
6	Cheo Reo		2	54	-59	+555	-61	+246	-47	8
7	Buôn Ma Thuột	Đăk Lăk	9	164	-20	+1527	-19	+94	+105	35
8	M'Đrăk		2	213	-18	+140	-4	+52	+67	20
9	Ea H'leo		1	154	-13	+575	+33	-22	-35	42
10	Buôn Hồ		7	33	-82	-44	-81	-68	-61	30
11	Giang Sơn		8	103	-47	+5065	-9	+5	+2	22
12	Bản Đôn		5	172	-9	+3340	-18	+115	+50	89
13	Đức Xuyên	Đăk Nông	7	104	-54	+995	-52	+109	-4	45
14	Đăk Mĩ		14	127	-78	+188	+15	-6	-51	95
15	Đăk Nông		85	556	+33	+60	+83	+63	+57	79
16	Đại Nga	Lâm Đồng	37	241	-39	+38	-3	-34	-23	51
17	Đà Lạt		15	296	-18	+15	-35	+15	-19	69
18	Bảo Lộc		32	582	+6	+9	+29	+71	+81	76
19	Liên Khương		0	407	+44	+225	+38	+137	+18	76
	Trung bình		0÷91	33÷582	-18	+710	-7	+84	+29	8÷95



Hình 1. Lượng mưa lũy tích tại các trạm và so sánh với TBNN

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

Dung tích trữ hồ chứa thủy lợi hiện đạt từ 31 ÷ 59% DTTK, **trung bình giảm 2% so với tuần trước**. Cụ thể từng lưu vực như sau:

1. Lưu vực sông Sê San: Tổng dung tích hiện tại đạt 37% (giảm 1% so với tuần trước). Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế tương đương cùng kỳ TBNN, cao hơn năm 2020 là 9%, thấp hơn năm 2019 là 2%.

2. Vùng thượng sông Ba vùng Tây Nguyên: Tổng dung tích hiện tại đạt 53% (không thay đổi so với tuần trước). Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế cao hơn năm 2020 là 15%, năm 2019 là 10% và TBNN là 9%.

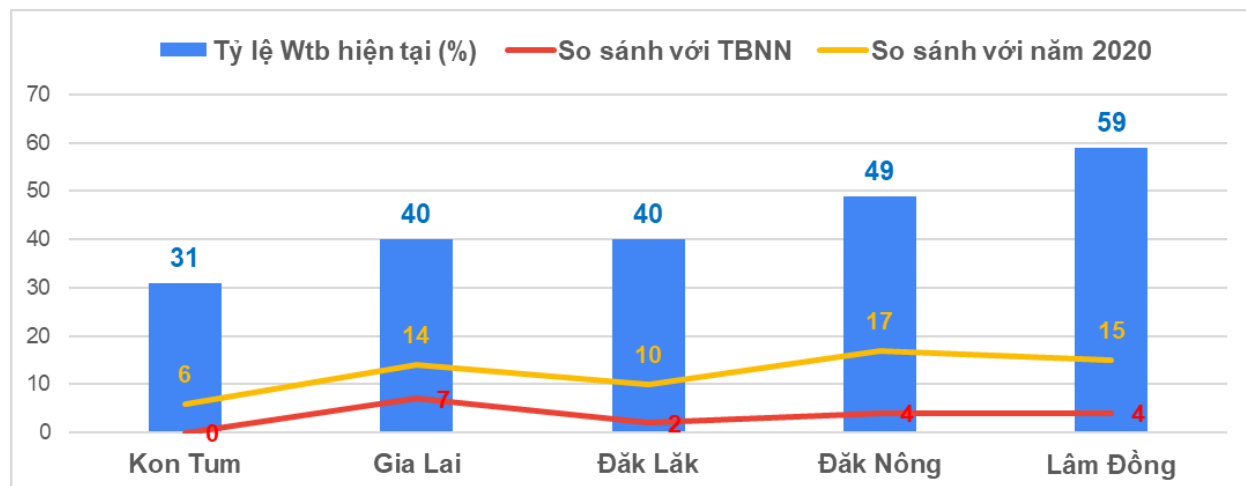
3. Lưu vực sông Srêpôk: Tổng dung tích hiện tại đạt 33% (giảm 3% so với tuần trước). Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế cao hơn năm 2020 là 9%, năm 2019 là 11% và TBNN là 3%.

4. Lưu vực sông Đồng Nai vùng Tây Nguyên: Tổng dung tích hiện tại đạt 60% (giảm 1% so với tuần trước). Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế cao hơn năm 2020 là 15%, năm 2019 là 6% và TBNN là 4%.

Chi tiết nguồn nước trong các hồ chứa xem phụ lục đi kèm, tổng hợp theo các lưu vực sông xem trong bảng 1.2 như sau.

Bảng 1.2. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy lợi

Lưu vực sông và phụ cận		Dung tích Wtb (triệu m3)		Tỷ lệ hiện tại (%)		Chênh lệch hiện tại so với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo Wtb kỳ tới (+/-%)
		Thiết kế	Hiện tại	Wtb	Whi	TBNN	2020	2019	2016	2015	
Tổng cộng, TB		1.265	531	42	29	+3	+12	+7	+9	+7	-16
Kon Tum	Sê San	70	22	31	17	+	+6	-1	-1	+1	+2
Gia Lai	Ba, Srêpôk Đồng Nai	594	238	40	28	+7	+14	+13	+6	+10	-9
Đắk Lắk		402	159	40	32	+2	+10	+10	+6	+8	-35
Đắk Nông		60	30	49	39	+4	+17	+7	+14	+7	-25
Lâm Đồng		140	83	59	32	+4	+15	+6	+19	+10	+2



Hình 2. Tỷ lệ dung tích hiện tại và so sánh với cùng kỳ các năm

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

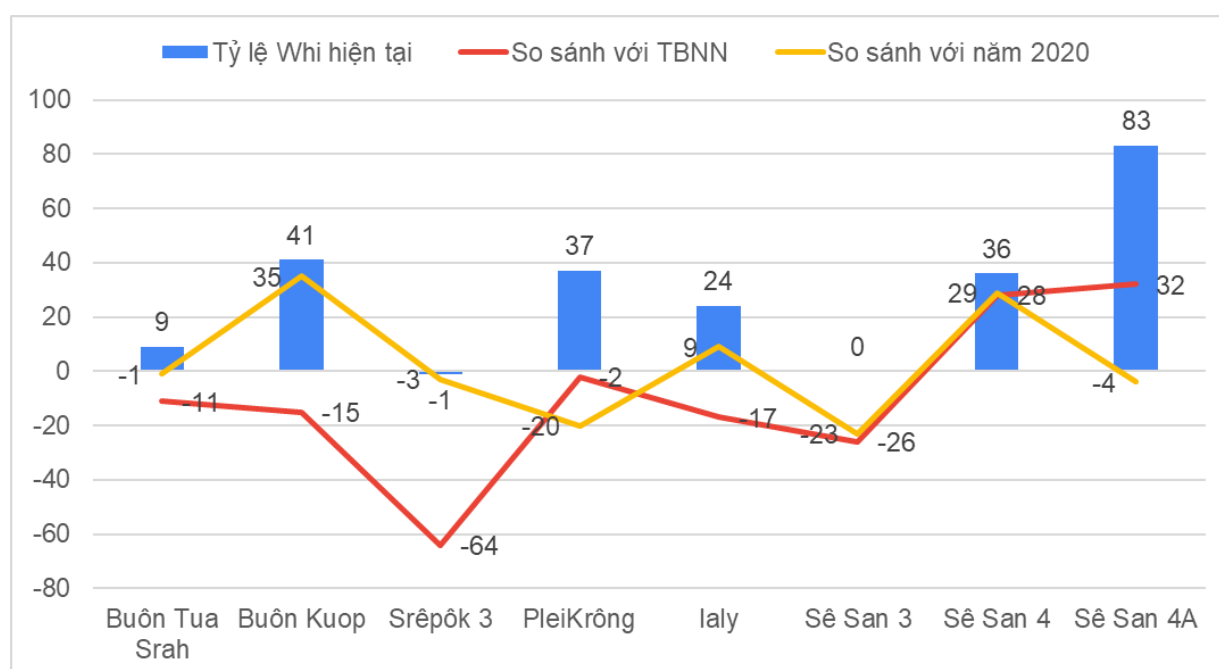
Các hồ thủy điện vùng Tây Nguyên tuần qua tổng dung tích **giảm khoảng 164 triệu m³**, hiện tại dung tích hữu ích các hồ như sau:

- **Lưu vực sông Srêpôk:** Tuần qua tổng dung tích các hồ **giảm khoảng 26 triệu m³**. Hiện tại, hồ Buôn Tua Srah dung tích đạt 9% DTTK, hồ Buôn Koup đạt 41% DTTK và Srêpôk 3 dưới MNC. So sánh với cùng kỳ TBNN, hồ Buôn Tua Srah thấp hơn 11%, hồ Buôn Kuop thấp hơn 15%, và hồ Srêpôk 3 thấp hơn 64%.

- **Lưu vực sông Sê San:** Tuần qua tổng dung tích các hồ **giảm 140 triệu m³**. Hiện tại, hồ PleiKrông dung tích đạt 37% DTTK, hồ Ialy đạt 24% DTTK và Sê San 4 đạt 36% DTTK. So sánh với cùng kỳ TBNN, hồ PleiKrông thấp hơn 2%, hồ Ialy thấp hơn 17%, và hồ Sê San 4 cao hơn 28%.

Bảng 1.3. Tổng hợp nguồn nước của hồ thủy điện bổ sung nước vùng hạ du

TT	Tên công trình	Dung tích Wtb (triệu m3)		Tỷ lệ hiện tại (%)		So sánh dung tích hiện tại với cùng kỳ (+/-%)					Q đến (m3/s)	Q chạy máy (m3/s)
		Thiết kế	Hiện tại	Wtb	Whi	TBNN	2020	2019	2016	2015		
Tổng cộng/TB		4.154	2.246	54	27	-7	-1	+3	+5	+6		
1	Buôn Tua Srah	787	314	40	9	-11	-1	+10	-7	-14	19	66
2	Buôn Kuop	63	55	86	41	-15	+35	-8	+35	-53	75	76
3	Srêpôk 3	219	155	71	-1	-64	-3	-16	-53	-49	29	61
4	PleiKrông	1.049	456	43	37	-2	-20	-1	+14	-7	17	176
5	Ialy	1.037	442	43	24	-17	+9	-4	-3	-34	36	207
6	Sê San 3	92	88	96	0	-26	-23	-18	-8	-29	209	217
7	Sê San 4	893	724	81	36	+28	+29	+27	+30	+29	224	226
8	Sê San 4A	13	12	90	83	+32	-4	+31	+65	+47	226	308



Hình 3. Tỷ lệ dung tích hữu ích các hồ thủy điện hiện tại và so sánh với cùng kỳ các năm

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Vụ Mùa 2021, kế hoạch sản xuất lúa toàn vùng khoảng 112.600 ha. Với tình hình nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện như hiện tại và dự báo mưa trong vụ Hè Thu 2021, nhìn chung toàn vùng đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất. Cụ thể tại từng lưu vực như sau:

1. Lưu vực sông Sê San: Tổng diện tích gieo trồng vụ Mùa 2021 đối với 25 hệ thống công trình thủy lợi trên lưu vực sông Sê San là khoảng 9.078 ha. Kết quả tính toán cân bằng nước cho toàn hệ thống cho thấy: 25/25 công trình đáp ứng đủ 100% diện tích tưới theo kế hoạch.

2. Lưu vực thượng sông Ba: Tổng diện tích gieo trồng vụ Mùa năm 2021 của 23 công trình trên lưu vực thượng sông Ba vùng Tây Nguyên là khoảng 15.263 ha. Kết quả tính toán cân bằng nước cho toàn hệ thống cho thấy: 23/23 công trình đáp ứng đủ 100% diện tích tưới theo kế hoạch.

3. Lưu vực sông Srêpôk: Tổng diện tích gieo trồng vụ Mùa 2021 với 31 hệ thống công trình thủy lợi là khoảng 32.254 ha. Kết quả tính toán cân bằng nước cho toàn hệ thống cho thấy: 29/31 công trình đáp ứng 100% kế hoạch sản xuất; 2/31 công trình đáp ứng một phần gồm hồ Vụ Bồn và Đăk Đ'rong.

4. Lưu vực thượng Đồng Nai: Tổng diện tích gieo trồng vụ Mùa năm 2021 của 29 công trình trên lưu vực thượng Đồng Nai vùng Tây Nguyên là khoảng 15.055 ha. Kết quả tính toán cân bằng nước cho toàn hệ thống cho thấy: 29/29 công trình đáp ứng đủ 100% diện tích tưới theo kế hoạch.

Kết quả chi tiết tính toán cân bằng nước các công trình xem phụ lục kèm theo, tổng hợp theo lưu vực sông trong vùng xem trong bảng 2.1.

Bảng 2.1. Kết quả tính toán khả năng cấp nước các công trình

TT	Tỉnh, TP	Lưu vực sông và phụ cận	Dung tích hiện tại (triệu m3)		Diện tích (ha)	Nhu cầu nước còn lại đến cuối vụ (triệu m3)	Kế hoạch sử dụng nước			Khuyến cáo đến cuối vụ
			Wtb	Whi			Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ (%)	
	Tổng cộng		531	345	71.650	358	100	71.337	73	
1	Kon Tum	Sê San	21,8	9,2	5.621	5,2	100	5.621	45	Đủ nước
2	Gia Lai	Sông Ba Srêpôk Đồng Nai	237,5	141,7	18.652	85,4	100	18.652	35	Đủ nước
3	Đăk Lăk		158,7	113,4	25.855	218,2	99	25.694	95	Đủ nước
4	Đăk Nông		29,8	25,0	11.015	30,4	99	10.863	100	Đủ nước
5	Lâm Đồng		83,2	55,9	10.507	18,4	100	10.507	92	Đủ nước

2.3. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Lượng mưa cộng dồn trung bình tại các trạm chính trên địa bàn các tỉnh vùng Tây Nguyên tính từ tháng 6/2020 và mưa dự báo hết tuần sau nhìn chung phổ biến ở mức tương đương và lớn hơn TBNN, **vì vậy nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước ở mức**

thấp. Bảng tổng hợp thông tin nguồn nước và nhu cầu nước vùng nằm ngoài công trình thủy lợi theo kịch bản kiến nghị tính toán.

Bảng 2.2. So sánh lượng mưa và khuyến cáo, mức độ rủi ro hạn

TT	Trạm	Tỉnh/TP	Vùng, huyện	Từ đầu mùa + dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Cảnh báo
					Năm Min	Năm TB	Năm Max	
1	Kon Tum	Kon Tum	TP Kon Tum, Đăk Hà	1.907	+65	+11	-19	Không hạn
2	Đăk Tô		Tu Mơ Rông, Ngọc Hồi, Đăk Tô	1.760	+71	0	-25	Hạn nhẹ, cục bộ
3	Kon Plông		KonPlong, Kon Rẫy	1.617	+267	+12	-35	Không hạn
4	Pleiku	Gia Lai	TP PleiKu, Ia Grai, ChưPah	2.106	+47	+3	-29	Không hạn
5	An Khê		An Khê, KBang	2.558	+234	+64	-26	Không hạn
6	Cheo Reo		Phú Thiện, AyunPa, EaHleo, Ea Kar, M’Đrak, Krông Pa, Krông Năng	1.232	+96	+3	-29	Không hạn
7	Buôn Ma Thuột	Đăk Lăk	Buôn Ma Thuột	2.091	+74	+19	-13	Không hạn
8	M’Đrăk		Mdrak	2.636	+218	+29	-40	Không hạn
9	Ea H’leo		Eahleo	1.499	+39	-9	-51	Hạn nhẹ, cục bộ
10	Buôn Hồ		Buôn Hồ	1.559	+53	+4	-20	Không hạn
11	Giang Sơn		Giang Sơn	2.026	+72	+15	-22	Không hạn
12	Bản Đôn		Bản Đôn	1.432	+68	-3	-24	Hạn nhẹ, cục bộ
13	Đức Xuyên	Đăk Nông	Đức Xuyên	1.828	+50	+3	-27	Không hạn
14	Đăk Mil		Dak Mil	1.781	+60	+5	-29	Không hạn
15	Đăk Nông		Gia Nghĩa	2.254	29	-5	-29	Hạn nhẹ, cục bộ
16	Đại Nga		Đà Lạt	1.692	12	-21	-34	Hạn nhẹ, cục bộ
16	Đà Lạt	Lâm Đồng	Đà Lạt	2.144	62	22	2	Không hạn
17	Bảo Lộc		Bảo Lộc	2.688	32	-6	-50	Hạn nhẹ, cục bộ
18	Liên Khương		Đức Trọng	2.276	107	47	12	Không hạn

2.3. Tổng hợp thống kê chỉ tiêu ngành

TT	Tỉnh/TP	Diện tích kế hoạch gieo trồng vụ Mùa 2021 toàn vùng (ha)				Diện tích lúa đã gieo vụ Mùa 2021 (ha)	Đã thu hoạch vụ Đông Xuân (ha)	Chuyển đổi do thiếu nước (ha)	Điều chỉnh KHSX do thiếu nước (ha)	Diện tích bị ảnh hưởng (ha)		
		Tổng	Màu, hàng năm khác	Cây ăn quả, CN	Lúa					Cao nhất	Hiện tại	Xu thế
	Tổng	1.217.697	348.923	756.136	112.638	0	80.800	0	0	0	0	0
1	Kon Tum	42.677	4.134	25.263	13.280	0	11.300					
2	Gia Lai	165.480	29.280	111.200	25.000	0	21.073					
3	Đắk Lắk	500.990	207.990	235.000	58.000	0	35.150					
4	Đắk Nông	266.930	76.720	182.500	7.710	0	4.629					
5	Lâm Đồng	241.620	30.799	202.173	8.648	0	8.648					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện nay toàn vùng đã thu hoạch lúa vụ Đông Xuân với tổng diện tích đạt khoảng **80.800/90.000 ha** và chuẩn bị kế hoạch sản xuất vụ Mùa 2021. Căn cứ vào tình hình nguồn nước tại các công trình thủy lợi, thủy điện và dự báo mưa vụ Mùa 2021 cho thấy các công trình cơ bản đảm bảo cấp nước theo kế hoạch. Tuy nhiên hạn hán cục bộ có khả năng xảy ra tại hồ chứa Vụ Bôn của tỉnh Đắk Lắk và hồ Đắk Đ'ông của tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ kết quả phân tích các chỉ số ảnh viễn thám và kết quả dự báo chỉ số mưa chuẩn hóa 3 tháng (tháng 3-5/2021), cho thấy các diện tích sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có khả năng bị ảnh hưởng hạn hán cục bộ trên một số diện tích nhỏ lẻ với mức độ nhẹ, tổng diện tích có nguy cơ hạn khoảng **2.000 ha** nằm rải rác trên địa bàn các huyện Lắk, Giang Sơn, Krông Pach, Ea Kar, Cư M'Gar, Ea Soup, Ea H'Leo, M'Drăk (xem phụ lục kèm theo)

Cần đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm tuyên truyền việc sử dụng nước tiết kiệm, giảm thất thoát và đầu tư các loại hình trữ nước phù hợp để đối phó với diễn biến thời tiết nhiều khả năng bất lợi trong thời gian sắp tới.

Khuyến cáo hiện tại dựa trên số liệu hiện trạng nguồn nước và dự báo mưa đến hết tháng 6/2021 (trước 2 tháng), cần theo dõi các bản tin tiếp theo để cập nhật tình hình dự báo mưa và nguồn nước trong giai đoạn tới.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 21/05/2021.